

Số: 106 /2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 466/TTr-STC ngày 27/6/2026 và thực hiện Kết luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 529/TB-UBND ngày 29/6/2026; Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Kết luận số 432-KL/ĐU ngày 29/6/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chi tiết một số điều của Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a và b khoản 3 Điều 15, điểm g và điểm k khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ)

Đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh lập dự toán thu, chi; Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán thu, chi ngân sách cấp xã và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

Điều 4. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương

1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh lập và gửi tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đến Sở Tài chính để phục vụ công tác kiểm tra theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I theo quy định.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi cơ quan tài chính cùng cấp tài liệu thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán chi theo lĩnh vực; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ; dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán và các tài liệu, văn bản có liên quan khác để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại cấp xã.

Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và rút dự toán chi bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã: cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán,

Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Mức rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã: cơ quan tài chính cấp xã căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết thì phải hoàn trả cho ngân sách tỉnh chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày đơn vị sử dụng ngân sách hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định số vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết.

Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã gửi Sở Tài chính

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách địa phương năm trước theo mẫu biểu số 01 kèm theo Quyết định này.

Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 3 hằng năm.

Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 02 đến số 05 kèm theo Quyết định này.

Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau.

Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính

1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán về cơ quan tài chính cấp xã trước ngày 15 tháng 2 năm sau.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính như sau:

a) Đối với đơn vị dự toán cấp I vừa là đơn vị sử dụng ngân sách: trước ngày 25 tháng 02 năm sau.

b) Đối với đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc (cấp II, cấp III) thuộc các ngành: Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường: trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

c) Đối với đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc (cấp II, cấp III) thuộc các ngành khác còn lại: trước ngày 05 tháng 3 năm sau.

Điều 9. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm), gồm các chỉ tiêu: đánh giá cân đối ngân sách cấp xã; đánh giá thực hiện thu ngân sách cấp xã theo lĩnh vực; đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực.

Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 và mẫu biểu số 06 kèm theo Quyết định này.

Điều 10. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo công khai ngân sách của đơn vị về cơ quan tài chính cấp xã cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo công khai ngân sách cấp xã về Sở Tài chính cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quy định.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo công khai ngân sách của đơn vị về Sở Tài chính cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, nghiêm túc thực hiện các nội dung Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Thường xuyên tổ chức rà soát nội dung Quyết định này để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định và phù hợp với mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh, Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐ và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, T5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



PHỤ LỤC

Kèm theo Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh

Số thứ tự mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu	Cơ quan báo cáo và cơ quan nhận báo cáo
Mẫu biểu số 01	Kết quả phân bổ sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại	Dùng cho: - UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính; - UBND cấp xã thực hiện công khai
Mẫu biểu số 02	Tình hình cân đối ngân sách địa phương	Dùng cho: - UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính; - UBND cấp xã thực hiện công khai
Mẫu biểu số 03	Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước	Dùng cho: - UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính; - UBND cấp xã thực hiện công khai
Mẫu biểu số 04	Ước thực hiện chi ngân sách nhà nước	Dùng cho: - UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính; - UBND cấp xã thực hiện công khai
Mẫu biểu số 05	Tình hình sử dụng các khoản ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã	Dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính
Mẫu biểu số 06	Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách địa phương, dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương	Dùng cho UBND cấp xã thực hiện công khai

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...**

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính và thực hiện công khai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
5	Nội dung khác theo quy định			

Ghi chú: Riêng báo cáo Sở Tài chính, UBND cấp xã kèm theo Quyết định phương án sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
QUÝ ... NĂM ...

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính và thực hiện công khai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý ...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%					
2	Thuế GTGT					
3	Các khoản thu phân chia ngân sách địa phương theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Dự phòng ngân sách nhà nước					
4	Chi viện trợ					
5	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ ... NĂM...

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính và thực hiện công khai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý ...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
-	Thu tiền sử dụng đất					
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn ngân sách nhà nước đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý ...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách					
II	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Thuế GTGT					
3	Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ ... NĂM ...

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính và thực hiện công khai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý ...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi thường xuyên					
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
-	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
III	Dự phòng ngân sách nhà nước					
IV	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
V	Chi viện trợ					
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ
QUÝ...NĂM....

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	QĐ bổ sung của UBND tỉnh	Công văn thông báo của Sở Tài chính	Mã CTMT	Tổng dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Gồm:		Dự toán thực rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán đã sử dụng (*) (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Nộp giảm dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa sử dụng theo số rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại theo Quyết định (lũy kế tới kỳ báo cáo)
						Dự toán tình giao đầu năm	Dự toán tính bổ sung trong năm (lũy kế tới kỳ báo cáo)						
A	B	C	D	E	1=2+3	2	3	4	5	6	7=1-4	8=4-5	9=1-5-6
	TỔNG CỘNG (=A+B)												
A	CHI ĐẦU TƯ (=I+II)												
I	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=I.1+I.2)												
I.1	Vốn thực hiện các dự án												
	<i>Chi tiết theo dự án</i>												
I.2	Vốn thực hiện các CT MQQG												
	<i>Chi tiết theo từng Chương trình</i>												
II	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH (=II.1+II.2)												
II.1	Vốn thực hiện các dự án												
	<i>Chi tiết theo dự án</i>												
II.2	Vốn thực hiện các CT MQQG												
	<i>Chi tiết theo từng Chương trình</i>												
B	CHI THUỞNG XUYÊN (=I+II)												
I	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=II.1+II.2)												
I.1	Vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ												
	<i>Chi tiết từng nội dung</i>												
I.2	Vốn thực hiện các CT MQQG												
	<i>Chi tiết theo từng Chương trình</i>												
II	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH												
	<i>Chi tiết theo từng nội dung</i>												

Ghi chú (*) Tổng dự toán đã sử dụng tại cột số 5 là tổng dự toán đã phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Mẫu biểu dùng cho UBND cấp xã thực hiện công khai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số Ngân sách tỉnh bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số						
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi thường xuyên						